

Bản án số: 49 /2025/ DS-ST

Ngày: 05 - 3 - 2025

V/v tranh chấp Hợp đồng dân sự vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **TRẦN TÚ ANH**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **NGUYỄN VĂN BÌNH**

2. Ông **NGUYỄN VĂN BỘ**

- T ký phiên tòa: Bà **ĐẶNG THỊ THÙY DUNG** - T ký tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên toà:

Không có tham gia.

Trong ngày 05 tháng 3 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 599/2024/TLST-DS ngày 11 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp Hợp đồng dân sự vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2025/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1963.

Địa chỉ: số 49, tổ A, ấp B, xã D, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư **Nguyễn Văn T1**- Văn phòng luật sư H thuộc đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Anh T**, sinh năm 1977

Địa chỉ: tổ A, ấp B, xã D, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông **Nguyễn Văn H** trình bày: Do quen biết thông qua bạn bè bà T vay mượn ông nhiều lần tiền, cụ thể như sau:

Ngày 05/6/2022 vay 300.000.000đồng, có làm biên nhận.

Ngày 20/6/2022 vay 10.000.000đồng yêu cầu chuyển vào tài khoản thẻ số 6005205040086 của Lam Duc Thong, bạn bà T.

Ngày 08/8/2022 vay 490.000.000 đồng yêu cầu chuyển vào tài khoản

6005205040086 của bà T.

Ngày 23/5/2023 vay 30.000.000đồng chuyển vào tài khoản 050090288188 của bà T.

Ngày 12/6/2023 vay 20.000.000đồng chuyển vào tài khoản 050090288188 của bà T.

Ngày 15/6/2023 vay 85.000.000đồng chuyển vào tài khoản 050090288188 của bà T.

Tổng cộng bà T vay ông trả 935.000.000đồng, lãi suất tự thỏa thuận 1%/ tháng, bà T đã trả lãi đến ngày 15/6/2023. Ông yêu cầu bà T trả 935.000.000đồng tiền vốn; yêu cầu tính lãi 1%/tháng từ ngày 15/6/2023 trên số tiền vốn còn nợ đến khi Toà án xét xử xong. Vốn lãi trả 01 lần.

Tại phiên toà, ông H yêu cầu bà T 935.000.000đồng tiền vốn, yêu cầu tính lãi trên số tiền vốn với mức lãi suất 1%/ tháng, tính từ ngày 05/11/2023 đến ngày xét xử.

- **Bị đơn bà Nguyễn Thị Anh T trình bày:** Bà với ông H sống với nhau như vợ chồng từ năm 2022. Trong quá trình chung sống bà có mượn ông H 300.000.000đồng, có làm biên nhận mượn tiền ngày 05/6/2022, có đóng lãi đầy đủ đến ngày 05/11/2023 thì ngưng. Trong quá trình chung sống ông H có chuyển cho bà nhiều lần tiền vào tài khoản. Số tiền 300.000.000 đồng bà mượn của ông H khi nào có khả năng sẽ trả.

Tại phiên toà, bà T chỉ đồng ý trả cho ông H 300.000.000 đồng tiền vốn và tiền lãi với mức lãi suất 1%/ tháng cho số tiền 300.000.000 đồng từ ngày 05/11/2023 đến ngày xét xử nhưng hiện tại bà chưa có tiền, khi nào bà có sẽ trả cho ông H.

- **Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp nguyên đơn phát biểu:** Dù bà T không thừa nhận số tiền 635.000.000đồng mà ông H chuyển cho bà là tiền bà vay của ông H nhưng bà không có chứng cứ chứng minh, lời trình bày của bà có mâu thuẫn, số tiền bà chuyển cho ông H phù hợp số tiền lãi, mức lãi suất ông H trình bày. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định pháp luật Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền vay còn thiếu. Do đó Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản theo qui định tại khoản 3 điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú tại huyện C, tỉnh Tiền Giang nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện C theo qui định tại điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3]. Sự thay đổi yêu cầu khởi kiện của đương sự: Tại phiên toà, anh H chỉ yêu cầu bà T trả lãi cho ông trên số tiền 935.000.000đồng tính từ ngày 05/11/2023 đến ngày xét xử. Xét thấy, đây là quyền tự định đoạt của đương sự phù hợp điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên ghi nhận.

[2] Về nội dung:

[2.1] Đối với yêu cầu trả tiền vay: Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà bà T chỉ thừa nhận có vay của ông H 300.000.000đồng(có làm biên nhận), đối với số tiền còn lại bà trình bày là ông H cho bà do hai người có quan hệ tình cảm với nhau, bà có cung cấp các tin nhắn zalo giữa bà với ông H. Ông H không thừa nhận có quan hệ tình cảm với bà T nhưng ông thừa nhận các tin nhắn zalo do bà T cung cấp là số tài khoản zalo của ông. Trong các tin nhắn không thể hiện bà T hỏi mượn tiền ông H, đặc biệt có tin nhắn ngày 08/8/2022 nội dung “ Anh chuyển cho e 490 triệu đó nó lấy phí 320 ngàn”. Ngoài ra ông không có chứng cứ gì thể hiện ông và bà T có thỏa thuận vay mượn tiền. Do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét số tiền 635.000.000đồng ông H chuyển cho bà T trong số tiền 935.000.000đồng ông yêu cầu bà T trả là tiền vay.

[2.2] Đối với yêu cầu trả lãi: Ông H trình bày cho bà T vay tiền với lãi suất 1%/ tháng, bà T thì trình bày lãi suất vay là 3%/ tháng nhưng bà đồng ý trả lãi cho ông H theo mức lãi suất ông H yêu cầu là 1%/ tháng. Xét thấy, tuy các bên không thống nhất lãi suất cho vay nhưng tại phiên toà bà T đồng ý trả lãi cho ông trên số tiền vay theo mức 1%/tháng thấy cũng phù hợp qui định pháp luật nên ghi nhận.

Từ ngày 05/11/2023 đến ngày xét xử là 16 tháng

Lãi suất được tính như sau: $300.000.000 \text{ đồng} \times 1\% \times 16 \text{ tháng} = 48.000.000 \text{ đồng}$.

Lãi suất không chấp nhận: $635.000.000 \text{ đồng} \times 1\% \times 16 \text{ tháng} = 101.600.000 \text{ đồng}$.

[3] Về án phí: Bà T phải chịu án phí do yêu cầu khởi kiện của ông H được chấp nhận; ông H phải chịu án phí do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận theo qui định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/ NQ- UBTVQH 14 ngày 30/12/2016. Tuy nhiên, ông H có đơn xin miễn giảm tiền án phí do ông là người cao tuổi nên Hội đồng xét xử miễn án phí phải chịu cho ông H.

[4] Xét, lời phát biểu của người bảo vệ quyền, lợi ích cho ông H không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử về số tiền 635.000.000 đồng nên không được Hội đồng xét xử ghi nhận

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 326/ NQ- UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H.
 - 1.1. Buộc bà Nguyễn Thị Anh T phải trả cho ông Nguyễn Văn H 300.000.000 đồng tiền vốn và 48.000.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng 348.000.000 đồng.
 - 1.2. Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H yêu cầu bà Nguyễn Thị Anh T phải trả cho ông 635.000.000 đồng tiền vốn và 101.600.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng 736.600.000 đồng
2. Về án phí:
 - 2.1. Miễn án phí dân sự sơ thẩm ông Nguyễn Văn H.
 - 2.2. Bà Nguyễn Thị Anh T phải chịu 17.400.000 đồng án phí dân sự thẩm.
3. Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày ông H có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà T chậm thi hành đối với khoản tiền thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự tương ứng thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.
4. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.
5. Về thời hạn kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

TRẦN TÚ ANH

